

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 22/12/2020

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà.

Ông Nguyễn Hải Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 22/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2020/TLPT- HNGĐ ngày 06/10/2020 Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42A/2020/QĐ-PT ngày 09/11/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐ-PT ngày 19/11/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐ-PT ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1987 (có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người kháng cáo: chị Lương Thị H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Lương Thị H là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh T tháng 8/2011, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị và anh T về chung sống tại thôn V, xã L, huyện L. Vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không quan tâm đến nhau, không bảo vệ được nhau, việc của ai người đó làm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị đã về gia đình mẹ đẻ ở từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Ngọc B, sinh ngày 16/4/2012, hiện đang ở với anh T và chị, cháu phát triển bình thường, nay ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Hoàng Văn T xác nhận một phần lời khai của chị H và trình bày tại phiên tòa:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị H kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Sau khi cưới xong chị H về chung sống với anh. Vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 07/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, chị H đã về gia đình mẹ đẻ ở, không sống chung với anh nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Ngọc B, sinh ngày 16/4/2012, hiện đang ở với anh và chị H, cháu phát triển bình thường, nay ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc B sinh ngày 16/4/2012 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H được quyền thăm nom con, anh T không được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2020 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý việc giao con chung cho bị đơn nuôi. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Vắng mặt bị đơn nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Chị Lương Thị H trình bày: Tôi giữ nguyên quan điểm kháng cáo đề nghị Tòa án giao con chung cho tôi được nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do vì anh T giáo dục con theo hướng có sự nhìn nhận tiêu cực đối với tôi nhằm lôi kéo cháu về ở với anh. Anh chia rẽ tình cảm mẹ con tôi. Anh T không đảm bảo điều kiện nuôi con như chỉ viết được tên anh ấy và tên con, không biết đọc, biết viết thông thạo như người bình thường khác. Hiện nay tôi đi làm tư vấn dinh dưỡng, sức khỏe tại thành phố Bắc Giang. Do mới đi làm nên thu nhập chưa ổn định, nếu ổn định được khoảng 20-25 triệu đồng/1 tháng. Tuy nhiên tôi vẫn làm thêm buôn bán hoa quả. Tổng thu nhập khoảng 10 triệu đồng/ 1 tháng đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tôi vẫn đang ở nhờ nhà anh trai ở thôn V, xã L. Do công việc nên tôi di chuyển thường xuyên giữ nơi ở và nơi làm việc. Nếu được nuôi con thì tôi sẽ thu xếp công việc để đảm bảo việc sinh hoạt, học tập của con. Ngoài ra tôi còn có bố mẹ để hỗ trợ được việc nuôi con. Ngày 21/12/2020 tôi vẫn gặp con và cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tuy nhiên tại phiên tòa tôi không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của tôi về việc anh T giáo dục con nhìn nhận tiêu cực về tôi và quan điểm của cháu B muốn ở với tôi. Đối với nội dung Tòa án đã thu thập, xác minh tôi cho rằng không phù hợp, không đúng thực tế về điều kiện kinh tế, thu nhập của anh T.

- Anh Hoàng Văn T vắng mặt nhưng có quan điểm trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo và trình bày của chị Lương Thị H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 81-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết giao con chung Hoàng Ngọc B, sinh ngày 16/4/2012 cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chung. Chị Lương Thị H không có tài liệu chứng minh anh Hoàng Văn T không đủ điều kiện nuôi con chung. Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Lương Thị H được nộp cho Tòa án nhân dân huyện L trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của chị Lương Thị H là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh T đã có quan điểm trình bày về vụ án và nội dung kháng cáo của chị H. Do đó sự vắng mặt của anh T không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. HĐXX căn cứ khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của chị Lương Thị H:

[3.1]. Về con chung: Chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn T có 01 con chung là Hoàng Ngọc B, sinh ngày 16/4/2012. Hiện cháu B đang ở với anh T, cháu phát triển khỏe mạnh bình thường. Nay ly hôn cả chị H và anh T đều yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Hoàng Ngọc B.

[3.2]. HĐXX thấy nguyện vọng được nuôi con chung của chị H, anh T là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con. Tuy nhiên hiện nay cháu B đang ở ổn định với anh T, được quan tâm, chăm sóc, phát triển đầy đủ, khỏe mạnh bình thường. Cháu B có nguyện vọng được ở với bố. Điều kiện kinh tế của anh T cũng đảm bảo việc nuôi con, có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Chị H cũng có công việc, thu nhập nhưng nơi ở không ổn định, công việc ở xa phải thường xuyên di chuyển. Do đó nếu giao con chung cho chị H nuôi dưỡng thì sẽ không được thuận tiện, không đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con. Về lý do chị H cho rằng anh T không biết chữ, ảnh hưởng nhận thức, không đảm bảo nuôi dạy con, HĐXX thấy: Tại biên bản lời khai anh T có ký và viết rõ ràng họ tên của mình. Mặt khác việc nuôi dưỡng, giáo dục con không phụ thuộc hoàn toàn vào việc có biết chữ hay không.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, chị H không đưa ra được các chứng cứ chứng minh về nguyện vọng của con cũng như việc anh T không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 81- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung.

[3.3]. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị H, căn cứ khoản 1, Điều 308- Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang về phần giải quyết con chung, cụ thể: Giao con

chung Hoàng Ngọc B, sinh ngày 16/4/2012 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

[4]. Về quyền, nghĩa vụ khác đối với con chung sau ly hôn:

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Sau khi ly hôn các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 1, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số A A/2017/0004913 ngày 30/7/2020 của Chi cục THADS huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[6]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo , kháng nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1, Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 43/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Căn cứ: khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81; Điều 82; Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc B, sinh ngày 16/4/2012 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

- Về quyền, nghĩa vụ khác đối với con chung sau ly hôn: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Sau khi ly hôn các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí phúc thẩm: chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số A A/2017/0004913 ngày 30/7/2020 của Chi cục THADS huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và Điều 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng